

Phiếu số 1A.6.1/ĐTDN-LTAU

Mã số thuế

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ LƯU TRÚ, ĂN UỐNG

Năm 2015

(Áp dụng cho các doanh nghiệp đơn/cơ sở có cung cấp dịch vụ lưu trú, ăn uống)

Tên doanh nghiệp/cơ sở

(Viết đầy đủ bằng chữ in hoa, có dấu)

Địa chỉ:

Tỉnh/thành phố trực thuộc tw:.....

Huyện/quận(thị xã, tp thuộc tỉnh).....

Ngành SXKD chính:.....

Loại cơ sở

(Ghi theo các loại được liệt kê dưới biểu và mã theo số tương ứng)

Mã CS:

Tên chỉ tiêu	Mã số	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2015
A	B	C	1
I. DỊCH VỤ ĂN UỐNG			
1. Tổng số lao động thời điểm 31/12/2015	01	Người	
2. Tổng doanh thu thuần	02	Triệu đồng	
<i>Trong đó: doanh thu hàng chuyển bán</i>	03	"	
3. Trị giá vốn hàng chuyển bán	04	"	
II. DỊCH VỤ LƯU TRÚ			
1. Tổng số lao động thời điểm 31/12/2015	06	Người	
2. Tổng doanh thu thuần	07	Triệu đồng	
- Thu từ khách quốc tế	08	"	
- Thu từ khách trong nước	09	"	
3. Số buồng có đến 31/12/2015	10	Buồng	
4. Số ngày buồng sử dụng trong năm	11	Ngày buồng	
5. Số giường có đến 31/12/2015	12	Giường	
6. Số ngày giường sử dụng trong năm	13	Ngày giường	
7. Số lượt khách phục vụ trong năm	14	Lượt khách	
7.1. Số lượt khách ngủ qua đêm	15	"	
Trong đó: khách quốc tế	16	"	
7.2.. Số lượt khách không ngủ qua đêm	17	"	
Trong đó: khách quốc tế	18	"	
8. Số ngày khách phục vụ <i>(chỉ tính khách có ngủ qua đêm)</i>	19	Ngày khách	
Trong đó: khách quốc tế	20	"	

Loại cơ sở lưu trú ghi theo các loại được liệt kê dưới đây (mã theo số thứ tự):

- | | | | |
|---------------------|-----------------------------------|------------------------|--------------------------------|
| 1. Khách sạn 1 sao; | 2. Khách sạn 2 sao; | 3. Khách sạn 3 sao; | 4. Khách sạn 4 sao; |
| 5. Khách sạn 5 sao | 6. Khách sạn dưới tiêu chuẩn sao; | 7. Nhà nghỉ, nhà khách | 8. Biệt thự kinh doanh du lịch |
| 9. Khu nghỉ dưỡng; | 10. Căn hộ kinh doanh du lịch; | 11. Loại khác | |

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ LƯU TRÚ, ĂN UỐNG

A. Đối tượng áp dụng

Đối tượng áp dụng phiếu này là các doanh nghiệp đơn/cơ sở cung cấp dịch vụ lưu trú và dịch vụ ăn uống, đã đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh trước thời điểm 31/12/2015 và hiện đang tồn tại, bao gồm cả những cơ sở hoạt động theo thời vụ (không sản xuất đủ 12 tháng trong năm 2015), những cơ sở tạm ngừng kinh doanh để đầu tư đổi mới, sửa chữa, xây dựng, mở rộng sản xuất.

B. Giải thích và hướng dẫn ghi phiếu

I. Dịch vụ ăn uống

1. Dịch vụ ăn uống bao gồm các hoạt động kinh doanh của các nhà hàng, quán bar và căng tin cung cấp các dịch vụ ăn, uống cho khách hàng tại chỗ (khách hàng được phục vụ hoặc tự phục vụ) hoặc mang về, các dịch vụ phục vụ ăn uống lưu động; cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên và dịch vụ ăn uống khác.

Lưu ý: Không bao gồm dịch vụ ăn, uống do các cơ sở lưu trú cung cấp đã tính chung vào tiền lưu trú (tiền thuê phòng/buồng).

2. Doanh thu thuần dịch vụ ăn uống là tổng số tiền đã và sẽ thu về cung cấp dịch vụ ăn uống cho khách hàng trong năm, bao gồm số tiền bán hàng ăn, đồ uống do doanh nghiệp tự chế biến và hàng ăn uống mua từ bên ngoài để bán mà không cần qua chế biến, không cần dịch vụ phục vụ thêm của cơ sở (hàng chuyển bán).

- **Doanh thu thuần hàng chuyển bán** là tổng số tiền mà các cơ sở dịch vụ ăn uống - đã và sẽ thu được do bán các loại hàng chuyển bán.

3. Trị giá vốn hàng chuyển bán

Chỉ tính trị giá vốn của hàng chuyển bán đã bán trong năm tương ứng với phần doanh thu hàng chuyển bán trong năm. Thông thường "trị giá vốn hàng chuyển bán" phải nhỏ hơn "doanh thu hàng chuyển bán", nếu ngược lại là kinh doanh hàng hóa đó không có lãi hoặc bị lỗ (mua vào lúc giá cao, bán khi giá bị thấp).

II. Dịch vụ lưu trú

1. Dịch vụ lưu trú bao gồm các hoạt động kinh doanh của các cơ sở chỉ cung cấp dịch vụ lưu trú ngắn ngày và các cơ sở cung cấp đồng thời cả dịch vụ lưu trú ngắn ngày và dịch vụ ăn uống/phương tiện giải trí cho khách du lịch, khách vắng lại.

2. Doanh thu thuần dịch vụ lưu trú là toàn bộ số tiền mà đơn vị kinh doanh dịch vụ lưu trú đã và sẽ thu được từ hoạt động cung cấp dịch vụ lưu trú ngắn ngày cho khách hàng.

3. “Số buồng” hoặc “Số giường” có đến thời điểm 31/12/2015: ghi tổng số buồng (hoặc giường) có thể sử dụng để cho khách thuê nghỉ của các cơ sở lưu trú có đến thời điểm 31/12/2015.

Lưu ý: Không tính số buồng mà cơ sở lưu trú luôn dành riêng với mục đích cho người nước ngoài thuê để sinh sống hoặc cho các văn phòng nước ngoài thuê để làm việc.

4. “Số ngày sử dụng buồng” hoặc “Số ngày sử dụng giường”: Tổng hợp toàn bộ số ngày mà các buồng (giường) của cơ sở được sử dụng cho khách thuê nghỉ qua đêm trong thời kỳ một năm. Nguồn số liệu để tổng hợp chỉ tiêu này căn cứ vào hoá đơn, chứng từ, bảng kê thanh toán với khách của kế toán hoặc sổ theo dõi khách đến, đi của bộ phận lễ tân của khách sạn, nhà trọ và các cơ sở lưu trú khác để ghi cho thống nhất.

5. Lượt khách phục vụ: Là số lượt người đến thuê buồng/giường, nghỉ tại cơ sở lưu trú, bao gồm cả số lượt khách thuê theo giờ trong ngày (khách không nghỉ qua đêm) và lượt khách thuê buồng (giường) để ngủ qua đêm.

6. Ngày khách phục vụ: Là số ngày mà khách có ngủ lại qua đêm do các đơn vị lưu trú phục vụ. Chỉ tiêu này có thể tính được theo hai cách: (1) Nhân số lượng người với số ngày lưu lại của từng đoàn khách, sau đó tổng hợp chung trong kỳ; (2) Cộng số khách của tất cả các ngày trong kỳ báo cáo. Ngày khách ở đây được qui định là lượt ngày đêm có ngủ. Cũng tương tự như lượt khách, việc xác định ngày khách là căn cứ vào chứng từ thanh toán của khách hàng.